

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

Hà Nội, tháng 07 năm 2015

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Mai Hồng Hải	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 04/05/2015)
Ông Vũ Xuân Bằng	Chủ tịch (Nghỉ hưu từ ngày 01/05/2015)
Ông Khoa Năng Tuyên	Ủy viên
Ông Phạm Thế Hưng	Ủy viên
Ông Đặng Văn Hải	Ủy viên
Ông Lê Văn Thắng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Khoa Năng Tuyên	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/05/2015)
Ông Vũ Xuân Bằng	Giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01/05/2015)
Ông Phạm Thế Hưng	Phó giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/05/2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẠN TÀI XI MĂNG HẢI PHÒNG

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Khoa Năng Tuyên
Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2015

Số: /2015/AP - BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) tại ngày 30/06/2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 và thuyết minh báo cáo tài chính được lập trình bày từ trang 9 đến trang 25 kèm theo (Sau đây gọi tắt là báo cáo tài chính bán niên 2015). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính bán niên 2015 thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính bán niên 2015 dựa trên việc soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào cho rằng báo cáo tài chính bán niên 2015 kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng tại ngày 30/06/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vũ Bình Minh
Giám đốc
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán 0034-2013-148-1

Đoàn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán 1396-2013-148-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU SỐ B 01a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19.015.688.457	15.045.945.371
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.947.968.784	2.930.886.109
1. Tiền	111		347.968.784	530.886.109
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.600.000.000	2.400.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.553.989.470	11.095.506.818
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	13.570.810.754	10.641.972.491
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	426.385.544
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	413.311.737	457.281.804
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(430.133.021)	(430.133.021)
III. Hàng tồn kho	140		1.330.467.574	467.391.460
1. Hàng tồn kho	141	7	1.330.467.574	467.391.460
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		183.262.629	552.160.984
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	183.262.629	273.447.574
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	207.799.109
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	70.914.301
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.649.398.728	27.163.229.879
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		500.000	500.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		500.000	500.000
II. Tài sản cố định	220		25.438.335.661	26.919.675.261
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	25.256.074.283	26.733.974.989
- Nguyên giá	222		44.150.576.541	44.150.576.541
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.894.502.258)	(17.416.601.552)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	182.261.378	185.700.272
- Nguyên giá	228		285.410.000	285.410.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(103.148.622)	(99.709.728)
III. Tài sản dài hạn khác	260		210.563.067	243.054.618
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	210.563.067	243.054.618
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		44.665.087.185	42.209.175.250

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẠN TÀI XI MĂNG HẢI PHÒNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU SỐ B 01a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		4.198.922.895	1.807.699.116
I. Nợ ngắn hạn	310		4.198.922.895	1.807.699.116
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	1.577.643.111	518.013.074
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	727.841.644	4.313.450
4. Phải trả người lao động	314		948.597.769	1.011.711.527
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	890.578.235	90.835.815
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	128.781.691	129.423.069
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(74.519.555)	53.402.181
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40.466.164.290	40.401.476.134
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	40.466.164.290	40.401.476.134
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.163.850.000	20.163.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.163.850.000	20.163.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.520.577.295	11.520.577.295
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.552.956.575	7.552.956.575
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.228.780.420	1.164.092.264
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		403.277.000	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		825.503.420	1.164.092.264
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		44.665.087.185	42.209.175.250

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2015

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Giám đốc

Vũ Thanh Tùng

Phạm Thế Hưng

Khoa Năng Tuyên

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẠN TÀI XI MĂNG HẢI PHÒNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU SỐ B 02a- DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	37.226.660.395	33.553.676.427
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		37.226.660.395	33.553.676.427
4. Giá vốn hàng bán	11	18	33.231.461.148	30.362.958.820
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.995.199.247	3.190.717.607
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		74.948.658	176.529.246
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	19	1.199.617.443	1.110.219.565
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	1.800.621.018	1.954.152.724
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.069.909.444	302.874.564
11. Thu nhập khác	31	21	24.334.545	1.389.223.177
12. Chi phí khác	32		29.362.681	12.077.273
13. Lợi nhuận khác	40		(5.028.136)	1.377.145.904
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.064.881.308	1.680.020.468
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	239.377.888	369.604.503
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		825.503.420	1.310.415.965
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	409	650
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		409	650

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2015

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Giám đốc

Vũ Thanh Tùng

Phạm Thế Hưng

Khoa Năng Tuyên

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẠN TÀI XI MĂNG HẢI PHÒNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU SỐ B03a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.064.881.308	1.680.020.468
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.481.339.600	1.072.451.932
- Các khoản dự phòng	03	-	77.534.176
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(38.684.658)	(647.430.146)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.507.536.250	2.182.576.430
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.179.769.242)	(840.248.922)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(863.076.114)	(164.644.320)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	2.279.767.627	(106.457.905)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	122.676.496	(95.972.014)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(581.523.141)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(485.460.000)	(390.211.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.381.675.017	3.519.128
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(350.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	511.500.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	38.684.658	135.930.146
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	38.684.658	297.430.146
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(403.277.000)	(403.277.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(403.277.000)	(403.277.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.017.082.675	(102.327.726)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.930.886.109	5.354.489.903
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.947.968.784	5.252.162.177

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2015

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Giám đốc

Vũ Thanh Tùng

Phạm Thế Hưng

Khoa Năng Tuyên

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Vận tải và Sửa chữa thuộc Công ty Xi măng Hải Phòng theo Quyết định số 1753/QĐ-BXD ngày 29/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203000727 ngày 24/02/2004 và thay đổi lần thứ 4 theo mã số doanh nghiệp là 0200577563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 14/5/2015.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 290, đường Hà Nội, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HCT.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2015 là 134 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là vận chuyển bằng phương tiện vận tải thủy, bộ; Kinh doanh xi măng, xăng dầu, vật tư, vật liệu xây dựng; Kinh doanh kho, bến bãi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Áp dụng Chế độ kế toán mới

Kể từ ngày 01/01/2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 có thể không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được phân ánh theo giá trị có thể thu hồi ước tính sau khi đã lập dự phòng phải thu khó đòi. Đối tượng được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi bao gồm các khách hàng có số dư nợ quá hạn theo hợp đồng hoặc mất khả năng thanh toán, không bao gồm những khách hàng đã quá hạn nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết trong việc thanh toán trong thời gian tới,

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc thiết bị	15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 15

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ xuất dùng, bảo hiểm vật chất các phương tiện vận tải.

Công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ trong thời gian tối đa 03 năm; bảo hiểm vật chất các phương tiện vận tải được phân bổ theo thời hạn bảo hiểm.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm khoản nợ còn phải trả do đã nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa có hóa đơn hoặc các khoản chi phí của kỳ báo cáo chưa có đủ hồ sơ, tài liệu nhưng chắc chắn sẽ phát sinh cần phải được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẠN TÀI XI MĂNG HẢI PHÒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với công ty bao gồm cả Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	251.899.929	413.262.047
Tiền gửi ngân hàng	96.068.855	117.624.062
Các khoản tương đương tiền	3.600.000.000	2.400.000.000
Cộng	<u>3.947.968.784</u>	<u>2.930.886.109</u>

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/6/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	13.570.810.754	10.641.972.491
Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1	1.715.779.993	-
Công ty Cổ Phần Vĩnh Thủy	4.071.504.090	3.680.942.630
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	4.817.126.979	4.499.644.759
Phải thu ngắn hạn các khách hàng khác	2.966.399.692	2.461.385.102
Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	<u>13.570.810.754</u>	<u>10.641.972.491</u>

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	<u>30/6/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	4.817.126.979	4.499.644.759
Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1	1.715.779.993	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	413.311.737	30.164.669	457.281.804	30.164.669
Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng	130.445.000	-	7.636.364	-
Phải thu người lao động	56.299.543	30.164.669	40.127.577	30.164.669
Phải thu về tạm ứng	218.750.011	-	407.152.272	-
Các đối tượng khác	7.817.183	-	2.365.591	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	413.311.737	30.164.669	457.281.804	30.164.669

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	390.515.685	-	460.413.231	-
Công cụ, dụng cụ	3.243.000	-	3.281.000	-
Hàng hoá	936.708.889	-	3.697.229	-
Cộng	1.330.467.574	-	467.391.460	-

8. NỢ XẤU

	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đức Minh (a)	155.068.352	-	155.068.352	-
Công ty TNHH Thảo Nguyên Xanh (a)	162.100.000	-	162.100.000	-
Công ty TNHH MTV Quảng Tân (a)	65.500.000	-	65.500.000	-
Vũ Thị Thanh Vân (b)	286.000.000	286.000.000	236.000.000	236.000.000
Đối tượng khác	101.254.669	53.790.000	47.464.669	-
Cộng	769.923.021	339.790.000	666.133.021	236.000.000

- a) Các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm; Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với mức trích lập là 100% giá trị công nợ phải thu.
- b) Trong năm 2015, Bà Vũ Thị Thanh Vân đã thanh toán một phần công nợ cho Công ty và cam kết sẽ trả nốt số dư còn lại theo Biên bản làm việc ngày 02/02/2015 giữa Bà Vân và Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng. Theo đó Công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản công nợ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B 09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	1.596.176.543	36.015.325	42.518.384.673	44.150.576.541
Tại ngày 30/6/2015	1.596.176.543	36.015.325	42.518.384.673	44.150.576.541
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	1.054.460.120	400.170	16.361.741.262	17.416.601.552
Khấu hao trong kỳ	34.463.154	1.200.510	1.442.237.042	1.477.900.706
Tại ngày 30/6/2015	1.088.923.274	1.600.680	17.803.978.304	18.894.502.258
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2015	541.716.423	35.615.155	26.156.643.411	26.733.974.989
Tại ngày 30/6/2015	507.253.269	34.414.645	24.714.406.369	25.256.074.283
<i>Tài sản cố định hết khấu hao đang sử dụng</i>	<i>569.339.363</i>	<i>-</i>	<i>7.208.826.891</i>	<i>7.778.166.254</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B 09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2015	285.410.000	285.410.000
Tại ngày 30/6/2015	285.410.000	285.410.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2015	99.709.728	99.709.728
Khấu hao trong kỳ	3.438.894	3.438.894
Tại ngày 30/6/2015	103.148.622	103.148.622
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2015	185.700.272	185.700.272
Tại ngày 30/6/2015	182.261.378	182.261.378

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	183.262.629	273.447.574
Chi phí bảo hiểm phương tiện vận tải	136.752.435	157.172.084
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	46.510.194	116.275.490
Dài hạn	210.563.067	243.054.618
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	210.563.067	243.054.618
Cộng	393.825.696	516.502.192

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.577.643.111	1.577.643.111	518.013.074	518.013.074
Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng	1.044.422.950	1.044.422.950	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	533.220.161	533.220.161	518.013.074	518.013.074
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.577.643.111	1.577.643.111	518.013.074	518.013.074

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<u>30/6/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam	36.573.690	16.028.733
Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng	1.044.422.950	-

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>01/01/2015</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>30/6/2015</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	697.913.307	424.209.488	273.703.819
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(70.914.301)	239.377.888	-	168.463.587
Thuế thu nhập cá nhân	4.313.450	10.542.238	4.313.450	10.542.238
Thuế nhà đất	-	16.986.000	16.986.000	-
Tiền thuê đất	-	363.123.000	87.991.000	275.132.000
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	(66.600.851)	1.330.942.433	536.499.938	727.841.644

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/6/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	890.578.235	90.835.815
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	858.078.235	-
Chi phí khác	32.500.000	90.835.815
Dài hạn	-	-
Cộng	890.578.235	90.835.815

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/6/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	128.781.691	129.423.069
Kinh phí công đoàn	16.771.370	8.664.560
Bảo hiểm y tế	4.586.163	4.586.160
Các khoản phải trả, phải nộp khác	107.424.158	116.172.349
Dài hạn	-	-
Cộng	128.781.691	129.423.069

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND		VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	20.163.850.000	11.520.577.295	7.405.561.791	952.731.944	40.042.721.030
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	1.164.092.264	1.164.092.264
Phân phối lợi nhuận	-	-	147.394.784	(952.731.944)	(805.337.160)
	-	-	-	-	-
Tại ngày 01/01/2015	20.163.850.000	11.520.577.295	7.552.956.575	1.164.092.264	40.401.476.134
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	825.503.420	825.503.420
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	(760.815.264)	(760.815.264)
	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/6/2015	20.163.850.000	11.520.577.295	7.552.956.575	1.228.780.420	40.466.164.290

(*) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 24/04/2015, lợi nhuận sau thuế năm 2014 được phân phối như sau:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với tổng số tiền 357.538.264 đồng
- Cổ tức trả bằng tiền mặt 4%, trong đó trả ngay 2% tương đương với 403.277.000 đồng và trả trong quý IV năm 2015 2% tương đương 403.277.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>30/6/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	10.860.400.000	10.860.400.000
Vốn góp của các cổ đông khác	9.303.450.000	9.303.450.000
Cộng	<u>20.163.850.000</u>	<u>20.163.850.000</u>

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
- Vốn góp đầu kỳ	20.163.850.000	20.163.850.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	20.163.850.000	20.163.850.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(403.277.000)	(403.277.000)

Cổ phiếu

	<u>30/6/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.016.385	2.016.385
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.016.385	2.016.385
- Cổ phiếu phổ thông	2.016.385	2.016.385
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.016.385	2.016.385
- Cổ phiếu phổ thông	2.016.385	2.016.385
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000

VND

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Doanh thu bán xi măng	20.446.774.904	20.103.851.473
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.779.885.491	13.449.824.954
Cộng	<u>37.226.660.395</u>	<u>33.553.676.427</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẠN TÀI XI MĂNG HẢI PHÒNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Doanh thu với các bên liên quan**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV xi măng VICEM Hải Phòng	10.108.992.194	11.472.637.802
Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng	-	36.711.364
Công ty cổ phần Vicem bao bì Hải Phòng	3.636.364	4.090.909
Trường trung cấp nghề Kỹ thuật xi măng	1.818.182	5.909.091
Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1	4.291.621.188	-

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Giá vốn xi măng đã bán	19.171.723.593	19.200.658.631
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.059.737.555	11.162.300.189
Cộng	33.231.461.148	30.362.958.820

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	1.800.621.018	1.954.152.724
- Chi phí nhân viên	788.819.102	895.973.639
- Chi phí vật liệu quản lý	122.428.456	163.984.104
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	31.334.548	35.093.918
- Chi phí khấu hao TSCĐ	83.320.896	83.320.896
- Thuế, phí và lệ phí	90.684.450	68.104.522
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.674.266	81.101.478
- Chi phí bằng tiền khác	573.359.300	626.574.167
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	1.199.617.443	1.110.219.565
- Chi phí nhân viên	552.079.939	616.957.244
- Chi phí nhiên liệu, vật liệu	150.184.869	222.447.881
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng khâu tiêu thụ	6.722.943	21.932.974
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.740.354	15.330.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	394.018.196	150.829.405
- Chi phí bằng tiền khác	45.871.142	82.722.061

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẠN TÀI XI MĂNG HẢI PHÒNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.901.236.076	3.222.146.384
Chi phí nhân công	5.445.699.664	4.876.930.317
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.481.339.600	1.072.451.932
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.781.082.327	3.711.181.871
Chi phí khác bằng tiền	2.450.618.349	1.343.961.974
Cộng	<u>17.059.976.016</u>	<u>14.226.672.478</u>

21. THU NHẬP KHÁC

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập từ hỗ trợ bàn giao mặt bằng	-	843.143.177
Thanh lý tài sản	-	511.500.000
Thu nhập khác	24.334.545	34.580.000
Cộng	<u>24.334.545</u>	<u>1.389.223.177</u>

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.064.881.308	1.680.020.468
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Chi phí không được trừ cho mục đích tính thuế	23.200.000	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	1.088.081.308	1.680.020.468
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>239.377.888</u>	<u>369.604.503</u>

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	825.503.420	1.310.415.965
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	825.503.420	1.310.415.965
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.016.385	2.016.385
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>409</u>	<u>650</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẠN TÀI XI MĂNG HẢI PHÒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch với các bên liên quan

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ so sánh</u> VND
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng		
Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng	-	843.143.177
Mua hàng		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	20.282.565.442	19.191.378.637
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	33.248.809	29.478.360
Chiếu khấu thanh toán được hưởng		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	36.264.000	40.599.100
Khuyến mại nhận từ nhà cung cấp		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	336.807.500	189.557.500

Số dư với bên liên quan

	<u>30/6/2015</u> VND	<u>01/01/2015</u> VND
Phải thu khác		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng (Dự thu khuyến mại xi măng được hưởng)	130.445.000	7.636.364

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 30/06/2015	Giá trị ghi sổ 31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.947.968.784	2.930.886.109
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.309.604.585	10.262.469.002
Cộng	17.257.573.369	13.193.355.111
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.577.643.111	634.185.423
Chi phí phải trả	890.578.235	90.835.815
Cộng	2.468.221.346	725.021.238

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của đồng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 30/06/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẠN TÀI XI MĂNG HẢI PHÒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ tài chính ban hành để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 30/06/2015 là 430.133.021 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 430.133.021 đồng).

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.577.643.111	-	1.577.643.111
Chi phí phải trả	890.578.235	-	890.578.235
Tại ngày 31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	634.185.423	-	634.185.423
Chi phí phải trả	90.835.815	-	90.835.815

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.947.968.784	-	3.947.968.784
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.309.104.585	500.000	13.309.604.585
Tại ngày 31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.930.886.109	-	2.930.886.109
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.261.969.002	500.000	10.262.469.002

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẠN TÀI XI MĂNG HẢI PHÒNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 01, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 có thể không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Một số số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015 được phân loại lại từ Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 nhằm đảm bảo có thể so sánh và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Bảng cân đối kế toán	Mã số	31/12/2014	01/01/2015	Ảnh hưởng
		VND	VND	VND
Tài sản				
Phải thu ngắn hạn khác	136	50.129.532	457.281.804	407.152.272
Tài sản ngắn hạn khác	155	407.152.272	-	(407.152.272)
Phải thu dài hạn khác	216	-	500.000	500.000
Tài sản dài hạn khác	268	500.000	-	(500.000)
Cộng		457.781.804	457.781.804	-
Nguồn vốn				
Quỹ đầu tư phát triển	417	6.765.505.664	-	(6.765.505.664)
Quỹ đầu tư phát triển	418	-	7.552.956.575	7.552.956.575
Quỹ dự phòng tài chính	418	787.450.911	-	(787.450.911)
Cộng		7.552.956.575	7.552.956.575	-

*Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2015***Người lập****Trưởng phòng kế toán****Giám đốc****Vũ Thanh Tùng****Phạm Thế Hưng****Khoa Năng Tuyên**